

NGÔN NGỮ HỌC VỚI VIỆT NGỮ HỌC

**KHAI THÁC NGŨ LIỆU TỪ MẠNG XÃ HỘI
TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN DẪN LUẬN NGÔN NGỮ
CHỖ SINH VIÊN NĂM NHẤT
TẠI TRƯỜNG NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NGUYỄN THỊ HẢI ANH* - NGÔ THỊ THU HẰNG****

TÓM TẮT: Bài báo nghiên cứu việc khai thác và phân tích sự biến đổi ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp mạng xã hội từ các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Twitter trong giảng dạy học phần *Dẫn luận ngôn ngữ* cho sinh viên. Qua việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng kết hợp, bao gồm phân tích dữ liệu từ các nền tảng mạng xã hội và sử dụng các phần mềm thống kê như SPSS và NVivo, nghiên cứu đã chỉ ra rằng ngôn ngữ trên mạng xã hội không chỉ là một công cụ giao tiếp mà còn là nơi xuất hiện những hình thức ngôn ngữ sáng tạo, bao gồm viết tắt, emoji và meme. Ngoài việc cung cấp một cái nhìn sâu sắc về sự sáng tạo ngôn ngữ, nghiên cứu khẳng định tính khả thi và ý nghĩa sư phạm của việc ứng dụng ngữ liệu mạng xã hội trong đổi mới phương pháp giảng dạy ngôn ngữ học trong bối cảnh số hóa.

TỪ KHÓA: Ngữ liệu; mạng xã hội; giảng dạy ngôn ngữ; biến đổi ngôn ngữ; công cụ giao tiếp.

NHẬN BÀI: 05/10/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 05/11/2025

1. Giới thiệu

Ngôn ngữ là một hệ thống sống động, luôn biến đổi để thích nghi với sự phát triển của xã hội và công nghệ. Sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Twitter, v.v. không chỉ thay đổi cách con người giao tiếp mà còn làm phong phú thêm vốn ngữ liệu ngôn ngữ học, tạo ra một bức tranh đa dạng và phức tạp. Theo Digital 2023 Global Overview Report, Việt Nam có khoảng 77% dân số sử dụng mạng xã hội, với thời gian trung bình 2,5 giờ mỗi ngày. Điều này biến mạng xã hội thành một trong những không gian giao tiếp chính của người Việt, đặc biệt là giới trẻ, tạo ra hàng triệu bài đăng, bình luận và chia sẻ mỗi ngày.

Có thể thấy, dữ liệu ngôn ngữ trên mạng xã hội rất phong phú, đa dạng, bao gồm các hiện tượng như sử dụng từ viết tắt, kết hợp emoji với văn bản, sáng tạo từ mới và biến thể của các biểu thức truyền thống. Những đặc điểm này mang lại cơ hội quý báu cho các nhà ngôn ngữ học, không chỉ để nghiên cứu sự biến đổi ngôn ngữ mà còn để áp dụng vào giảng dạy. Trong bối cảnh giảng dạy học phần Dẫn luận ngôn ngữ, vốn được coi là môn học nền tảng nhưng lại có nội dung trừu tượng, khó hiểu đối với sinh viên năm nhất, ngữ liệu từ mạng xã hội có thể là cầu nối giữa lý thuyết ngôn ngữ và thực tế sử dụng hàng ngày của sinh viên. Điều này không chỉ tăng tính thực tiễn của bài giảng mà còn kích thích sự hứng thú học tập của sinh viên. Mặc dù là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo ngôn ngữ, việc giảng dạy học phần Dẫn luận ngôn ngữ vẫn đối mặt với một số thách thức. Trước tiên, nội dung lý thuyết của môn học thường mang tính khái quát, thiếu các ví dụ sinh động gắn liền với thực tiễn ngôn ngữ. Sinh viên thường cảm thấy khó hình dung các khái niệm như ngữ pháp, ngữ nghĩa, hay ngữ âm trong ngữ cảnh sử dụng hàng ngày. Điều này làm giảm hứng thú học tập và khả năng tiếp thu của người học. Trong khi đó, dữ liệu ngôn ngữ trên mạng xã hội có thể cung cấp một kho tàng minh họa phong phú. Những hiện tượng như việc sử dụng emoji để thay thế từ ngữ, các từ ghép sáng tạo (như “chill-phét,” “khum-biết”), hay các xu hướng ngôn ngữ mới (như hashtag, từ viết tắt) phản ánh sự sáng tạo của ngôn ngữ trẻ hiện đại. Những ví dụ này không chỉ giúp minh họa rõ ràng các khái niệm ngôn ngữ học mà còn làm cho nội dung bài giảng trở nên gần gũi và thú vị hơn đối với sinh viên.

Nghiên cứu này đặt ra các mục tiêu chính: 1) Xác định các đặc điểm ngôn ngữ nổi bật trên mạng xã hội phù hợp để minh họa các khái niệm trong học phần Dẫn luận ngôn ngữ, như ngữ âm, từ vựng,

*TS: Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên; Email: nguyenhaianh.sfl@tnu.edu.vn

**Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên; Email: ngothuhang.sl@tnu.edu.vn

ngữ pháp và ngữ dụng học.; 2) Thiết kế và thử nghiệm các mô-đun giảng dạy tích hợp ngữ liệu mạng xã hội, nhằm kiểm tra tính hiệu quả và mức độ phù hợp trong giảng dạy.; 3) Đánh giá tác động của phương pháp giảng dạy này đối với kết quả học tập và sự hứng thú của sinh viên, thông qua các chỉ số cụ thể như điểm số, mức độ tham gia và phản hồi từ người học.

Nghiên cứu này tập trung trả lời các câu hỏi sau: 1/Những đặc điểm ngôn ngữ nào trên mạng xã hội có thể được sử dụng hiệu quả để minh họa các khái niệm trong học phần Dân luận ngôn ngữ?; 2/Việc sử dụng dữ liệu mạng xã hội trong giảng dạy ảnh hưởng như thế nào đến sự hứng thú và kết quả học tập của sinh viên?; 3/Những thách thức đạo đức và thực tiễn nào nảy sinh khi áp dụng phương pháp này, và làm thế nào để giải quyết chúng?

2. Tổng quan tài liệu

Trong bối cảnh giáo dục ngôn ngữ hiện đại, việc khai thác ngữ liệu từ mạng xã hội đang trở thành một hướng đi đầy tiềm năng nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Trên thế giới, việc sử dụng mạng xã hội trong dạy học ngôn ngữ đã được nhiều học giả đề cập từ góc độ ngôn ngữ học ứng dụng và ngữ liệu học. Biber, Conrad và Reppen (1998) nhấn mạnh tầm quan trọng của ngữ liệu thực trong nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, đồng thời khẳng định rằng việc phân tích ngữ liệu từ môi trường số như mạng xã hội có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức sử dụng ngôn ngữ trong đời sống thực tiễn. Van Lier (2006) mở rộng luận điểm này bằng cách khẳng định rằng Internet đã thay đổi căn bản cách tiếp cận việc học ngôn ngữ, tạo điều kiện cho người học tiếp xúc với ngữ liệu đa dạng và liên tục cập nhật.

Từ góc độ xã hội học ngôn ngữ, Danet và Herring (2007) cho thấy mạng Internet đa ngôn ngữ đã trở thành không gian giao tiếp đa văn hóa, nơi người học ngôn ngữ có thể thực hành sử dụng ngôn ngữ trong những bối cảnh giao tiếp thực tế. Varis và Van Nuenen (2016) cũng nhấn mạnh vai trò của Internet như một diễn ngôn xã hội, định hình các thực hành ngôn ngữ mới. Bên cạnh đó, Blattner và Fiori (2012) chứng minh rằng các cộng đồng mạng xã hội ảo không chỉ giúp người học phát triển nhận thức xã hội-ngữ dụng mà còn nâng cao kỹ năng đa năng lực thông qua việc tương tác bằng ngôn ngữ thứ hai trong môi trường phi chính thức.

Tính hiệu quả của việc sử dụng mạng xã hội trong học ngôn ngữ cũng được kiểm chứng qua các nghiên cứu thực nghiệm. Zvarych et al. (2020) khẳng định rằng mạng xã hội có thể tăng động lực học tập và khả năng phản hồi ngôn ngữ của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học. Tokarieva (2024) bổ sung thêm khía cạnh phát triển năng lực số khi sử dụng mạng xã hội làm công cụ hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ. Trong khi đó, Kovaleva et al. (2019) tập trung vào sinh viên ngành kỹ thuật, cho thấy rằng mạng xã hội là phương tiện hiệu quả để phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh chuyên ngành. Một số công trình gần đây như của Makukhina (2023) và Klyueva (2022) đi sâu vào ứng dụng mạng xã hội cụ thể (ví dụ như TikTok) trong dạy học ngôn ngữ, từ đó đề xuất mô hình tích hợp mạng xã hội vào quá trình đào tạo tại đại học. Marinković (2023) cũng cho rằng mạng xã hội không chỉ đóng vai trò là công cụ truyền thông mà còn là không gian học tập linh hoạt, khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo ngôn ngữ. Cùng lúc, báo cáo của DataReportal (2023) chỉ ra rằng tỉ lệ sử dụng mạng xã hội toàn cầu tiếp tục gia tăng, đặc biệt ở nhóm người trẻ tuổi - đối tượng chính của các chương trình đào tạo đại học - qua đó nhấn mạnh tính tất yếu của việc tích hợp mạng xã hội vào giảng dạy.

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu và ứng dụng mạng xã hội trong dạy học ngoại ngữ tuy còn mới mẻ nhưng đang phát triển mạnh mẽ. Đỗ Thị Thu Trang (2019) đề cập đến khả năng khai thác các phương tiện truyền thông xã hội để hỗ trợ việc học tiếng Anh thông qua việc cung cấp ngữ liệu thực tế, sinh động và dễ tiếp cận. Tương tự, Bùi Thị Thanh Lan và Nguyễn Thị Thu Hằng (2024) chỉ ra những lợi ích thiết thực của việc sử dụng mạng xã hội trong giảng dạy, như tăng cường sự hứng thú và khả năng tương tác của sinh viên, đồng thời đưa ra các đề xuất cụ thể về cách tích hợp hiệu quả vào chương trình học. Phạm Thị Diệu Linh (2023) tập trung vào khai thác học liệu nghe từ Internet - một dạng ngữ liệu phổ biến trên mạng xã hội - để nâng cao kỹ năng nghe cho sinh viên. Điều này cho thấy mạng xã hội không chỉ là nơi lưu trữ thông tin mà còn là nguồn ngữ liệu phong phú phục vụ cho phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện. Đỗ Thanh Mai và Tô Hữu Nguyên (2023) tiếp cận từ góc độ tâm

lí học giáo dục, đưa ra các giải pháp tích cực hóa hành vi sử dụng mạng xã hội trong học tập cho sinh viên Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, nơi nghiên cứu này được triển khai. Bên cạnh đó, các nghiên cứu khảo sát nhận thức sinh viên tại các cơ sở giáo dục cũng cung cấp góc nhìn thực tế và đa chiều. Nguyễn Đình Như Hà et al. (2025) nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, cho thấy phần lớn sinh viên không chuyên ngữ có thái độ tích cực và chủ động sử dụng mạng xã hội để học tiếng Anh, đặc biệt là qua các nền tảng như Facebook, YouTube và TikTok. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Minh et al. (2019) cũng xác nhận rằng sinh viên thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong các diễn đàn Facebook, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp và hiểu biết văn hóa ngôn ngữ. Cuối cùng, nghiên cứu của Dendane và Dendane (2023) tại Đại học Tlemcen (Algeria) có thể được coi là một điểm đối chiếu thú vị, khi tác giả đề xuất xem mạng xã hội như một kênh học ngôn ngữ bổ trợ, không chính thức nhưng hiệu quả, góp phần vào hình thành năng lực ngôn ngữ toàn diện của người học trong thời đại số.

Tổng kết lại, hệ thống các tài liệu quốc tế và trong nước cho thấy sự đồng thuận trong việc khẳng định vai trò tích cực của mạng xã hội như một nguồn ngữ liệu sống động, có khả năng hỗ trợ việc giảng dạy và học tập ngôn ngữ một cách hiệu quả. Việc khai thác ngữ liệu từ mạng xã hội trong giảng dạy học phần “Dẫn luận ngôn ngữ” cho sinh viên năm nhất tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên là hoàn toàn phù hợp với xu thế hiện đại, cần được triển khai dựa trên nền tảng khoa học vững chắc và kinh nghiệm thực tiễn phong phú từ các công trình đã công bố.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được xây dựng trên nền tảng nghiên cứu định tính và định lượng nhằm khám phá tác động của mạng xã hội đối với sự phát triển ngôn ngữ và khả năng áp dụng ngữ liệu từ mạng xã hội trong giảng dạy ngôn ngữ học. Thiết kế nghiên cứu mang tính mô tả kết hợp với phân tích thực nghiệm, bao gồm việc thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu từ các nguồn khác nhau. Mục tiêu chính là làm rõ các xu hướng ngôn ngữ mới, đặc điểm ngôn ngữ đặc thù của mạng xã hội và tiềm năng ứng dụng chúng trong giảng dạy Dẫn luận ngôn ngữ.

3.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào các ngữ liệu ngôn ngữ được trích xuất từ các nền tảng mạng xã hội phổ biến như Facebook, TikTok, Instagram, và Twitter. Đồng thời, nghiên cứu đi sâu phân tích các thuật ngữ, cụm từ, và hiện tượng ngôn ngữ nổi bật trên mạng xã hội tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Bên cạnh đó, nhóm đối tượng được khảo sát chính là sinh viên năm nhất tại các trường đại học ở Việt Nam, đặc biệt là những sinh viên đang theo học các môn học liên quan đến Dẫn luận ngôn ngữ. Nghiên cứu tập trung vào ngôn ngữ được sử dụng trên các nền tảng mạng xã hội trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, nhằm đảm bảo tính cập nhật của dữ liệu và phản ánh kịp thời những biến đổi ngôn ngữ trong bối cảnh hiện đại. Đồng thời, nghiên cứu được triển khai trong bối cảnh giảng dạy tại các trường đại học ở Việt Nam, với trọng tâm đặc biệt hướng đến các khoa Ngôn ngữ học và Khoa học xã hội, nơi có sự giao thoa giữa lý thuyết ngôn ngữ và thực tiễn ứng dụng trong đời sống.

3.3. Quy trình nghiên cứu

Bước 1: Thu thập dữ liệu. Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn chính:

Ngữ liệu từ mạng xã hội: Các ngữ liệu này được trích xuất từ các bài đăng, bình luận, và nội dung lan truyền trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, đặc biệt chú trọng vào các dạng ngôn ngữ sáng tạo, từ viết tắt, emoji, và các cụm từ mang tính xu hướng. Để thu thập và phân loại dữ liệu ngôn ngữ, nghiên cứu sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu mạng xã hội như Netlytic hoặc NVivo, giúp phân tích và nhóm các dữ liệu ngôn ngữ theo các chủ đề cụ thể.

Ngữ liệu từ sinh viên: Các ngữ liệu này được thu thập thông qua phiếu khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc, bao gồm ý kiến và bài tập ngôn ngữ của sinh viên. Các phiếu khảo sát được thiết kế để đo lường mức độ nhận thức, thái độ và mức độ sử dụng mạng xã hội trong học tập ngôn ngữ, từ đó cung cấp cái nhìn sâu sắc về ảnh hưởng của mạng xã hội đối với việc học ngôn ngữ của sinh viên.

Bước 2: Phân tích dữ liệu

Phân tích ngữ liệu định tính: Phương pháp phân tích nội dung (Content Analysis) sẽ được áp dụng để xác định các xu hướng ngôn ngữ trên mạng xã hội. Các hiện tượng ngôn ngữ như viết tắt, sử dụng emoji, và sáng tạo từ mới sẽ được mã hóa và phân loại theo các nhóm ngữ nghĩa và chức năng. Quá trình phân loại này giúp làm rõ các mô hình ngôn ngữ phổ biến, từ đó khám phá cách thức chúng ảnh hưởng đến giao tiếp và học tập trên mạng xã hội.

Phân tích định lượng: Dữ liệu khảo sát sẽ được xử lý thông qua phần mềm SPSS, với trọng tâm vào các chỉ số thống kê mô tả như tần suất sử dụng mạng xã hội và mức độ ảnh hưởng của mạng xã hội đến các kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên. Bên cạnh đó, phân tích hồi quy sẽ được thực hiện để đánh giá mối quan hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và khả năng phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cụ thể, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, và kỹ năng diễn đạt.

Bước 3: Thực nghiệm giảng dạy

Thực nghiệm giảng dạy sẽ được tiến hành tại một số lớp học Dẫn luận ngôn ngữ nhằm kiểm tra tính khả thi và hiệu quả của việc tích hợp ngữ liệu từ mạng xã hội vào giáo trình giảng dạy. Quy trình thực nghiệm bao gồm các bước sau:

Chọn lọc ngữ liệu: Ngữ liệu thực tế từ các nền tảng mạng xã hội sẽ được chọn lọc làm ví dụ minh họa và bài tập cho sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và áp dụng ngôn ngữ thực tiễn trong học tập.

Đánh giá hiệu quả: Hiệu quả của quá trình thực nghiệm sẽ được đánh giá thông qua việc so sánh kết quả bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm, nhằm đo lường sự thay đổi trong nhận thức và kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên. Các yếu tố cần đo lường bao gồm sự cải thiện trong khả năng sử dụng ngôn ngữ sáng tạo, hiểu biết về các hiện tượng ngôn ngữ mới trên mạng xã hội, và mức độ áp dụng kiến thức vào thực tế.

Bước 4: Đánh giá và tổng hợp kết quả

Dựa trên các dữ liệu định tính và định lượng đã thu thập, nghiên cứu sẽ tiến hành đánh giá tiềm năng và hạn chế của việc sử dụng ngữ liệu từ mạng xã hội trong giảng dạy ngôn ngữ. Quá trình này bao gồm việc phân tích những lợi ích, khó khăn và thách thức khi tích hợp ngữ liệu mạng xã hội vào giáo trình, cũng như đánh giá mức độ ảnh hưởng của phương pháp giảng dạy này đối với kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên. Sau khi đánh giá, nghiên cứu sẽ tổng hợp các kết quả thu được để đề xuất các chiến lược và khung lý thuyết, nhằm hỗ trợ việc áp dụng hiệu quả ngữ liệu từ mạng xã hội trong bối cảnh giảng dạy ngôn ngữ tại Việt Nam. Những đề xuất này sẽ hướng đến việc tối ưu hóa việc sử dụng công cụ mạng xã hội để phát triển kỹ năng ngôn ngữ, đồng thời cung cấp những giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế trong việc ứng dụng thực tế.

3.4. Công cụ và phương pháp hỗ trợ

Nghiên cứu sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến để hỗ trợ quá trình thu thập và xử lý dữ liệu:

Phần mềm phân tích dữ liệu: NVivo sẽ được sử dụng cho phân tích nội dung định tính, giúp mã hóa và phân loại các hiện tượng ngôn ngữ từ mạng xã hội theo các nhóm ngữ nghĩa và chức năng. SPSS sẽ được ứng dụng trong phân tích định lượng, nhằm xử lý và phân tích dữ liệu khảo sát, bao gồm các chỉ số thống kê mô tả và phân tích hồi quy để đánh giá mối quan hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên.

Phiếu khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc: Các phiếu khảo sát và câu hỏi phỏng vấn sẽ được xây dựng dựa trên các khái niệm chính trong phần Tổng quan tài liệu, tập trung vào các hiện tượng ngôn ngữ nổi bật trên mạng xã hội, nhằm thu thập ý kiến của sinh viên về mức độ sử dụng mạng xã hội và ảnh hưởng của nó đối với việc học ngôn ngữ.

Khung thực nghiệm giảng dạy: Khung thực nghiệm giảng dạy sẽ được thiết kế dựa trên các mô hình giảng dạy tích hợp ngữ liệu thực tế, như được đề xuất bởi Biber và cộng sự (2021), nhằm giúp xác định các phương pháp giảng dạy hiệu quả khi sử dụng ngữ liệu từ mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu

Phần này trình bày các phát hiện quan trọng dựa trên quy trình nghiên cứu đã nêu trong phần Phương pháp. Kết quả được tổ chức thành các nhóm dữ liệu, bao gồm: (1) các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng trên mạng xã hội, (2) mức độ nhận thức và thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng ngữ liệu mạng xã hội trong học tập ngôn ngữ, và (3) hiệu quả của việc tích hợp ngữ liệu từ mạng xã hội trong giảng dạy môn Dẫn luận ngôn ngữ.

4.1. Các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng trên mạng xã hội

Phân tích dữ liệu thu thập từ các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Twitter, Instagram, TikTok) đã xác định các đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ trên các nền tảng này, bao gồm:

Thứ nhất, sử dụng từ viết tắt và cụm từ rút gọn:

Tần suất xuất hiện: Trong số 500 bài đăng và bình luận được phân tích, khoảng 68% nội dung có sử dụng các từ viết tắt hoặc cụm từ rút gọn, ví dụ như OMG, LOL, BTW, G9. Tỷ lệ này cho thấy sự phổ biến rộng rãi của việc sử dụng từ viết tắt và cụm từ rút gọn trên các nền tảng mạng xã hội.

Ngữ cảnh sử dụng: Những từ và cụm từ rút gọn này thường xuyên xuất hiện trong các cuộc trò chuyện không chính thức, đặc biệt là trong các nhóm cộng đồng trẻ, nơi việc giao tiếp nhanh chóng và thuận tiện là yếu tố quan trọng. Việc sử dụng chúng giúp người tham gia trao đổi thông tin một cách hiệu quả mà không cần phải dùng câu từ dài dòng.

Phân tích chức năng: Các từ viết tắt và cụm từ rút gọn không chỉ giúp tăng tính ngắn gọn và tiết kiệm không gian văn bản, mà còn phù hợp với đặc thù giao tiếp nhanh trên mạng xã hội, nơi người dùng thường tìm kiếm cách thức trao đổi thông tin nhanh chóng và dễ hiểu. Chúng còn tạo ra một phong cách giao tiếp đặc trưng, dễ nhận diện trong các cộng đồng trực tuyến.

Thứ hai, tích hợp đa phương tiện (multimodality):

Emoji và meme: Trong hơn 70% dữ liệu thu thập, emoji và meme được sử dụng như một phần của câu để tăng tính biểu cảm và nhấn mạnh cảm xúc, ví dụ như biểu tượng 😊 thường được sử dụng để thể hiện cho câu "Tôi cảm thấy buồn cười".

Meme có tính ngữ nghĩa phức tạp, thường được sử dụng không chỉ để thể hiện cảm xúc mà còn để phản ánh các vấn đề văn hóa, xã hội đương đại, tạo ra một dạng ngữ nghĩa dễ tiếp cận và có sức mạnh truyền đạt trong cộng đồng mạng.

Ảnh hưởng đến ngữ nghĩa: Việc sử dụng emoji và meme làm thay đổi cách hiểu và cách diễn đạt ý nghĩa trong giao tiếp trên mạng xã hội. Những phương tiện này tạo nên một ngôn ngữ "kết hợp" giữa văn bản và hình ảnh, không chỉ tăng cường sự biểu cảm mà còn làm phong phú thêm cách thức truyền tải thông điệp, từ đó tạo nên những lớp nghĩa mới mà chỉ có thể được hiểu trong ngữ cảnh của môi trường mạng xã hội.

Thứ ba, sáng tạo từ mới:

Khoảng 20% các bài đăng chứa các từ hoặc cụm từ sáng tạo, chẳng hạn như "vibe check" (kiểm tra cảm giác) và "stan" (người hâm mộ cuồng nhiệt). Những từ này thường bắt nguồn từ các cộng đồng trực tuyến cụ thể, như các nhóm người hâm mộ hoặc cộng đồng meme, trước khi lan tỏa ra ngôn ngữ phổ thông và được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày. Các từ mới này không chỉ thể hiện sự sáng tạo trong ngôn ngữ mà còn phản ánh các xu hướng văn hóa và xã hội đương đại, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì các nhóm cộng đồng trực tuyến, nơi mà ngôn ngữ phát triển nhanh chóng và linh hoạt.

Thứ tư, ảnh hưởng của tiếng Anh đến tiếng Việt

Tiếng Anh xuất hiện trong 40% các bài đăng tiếng Việt, thường xuyên xen kẽ với các cụm từ hoặc câu tiếng Việt. Điều này phản ánh xu hướng code-switching (chuyển đổi mã ngôn ngữ) đang gia tăng, khi người dùng linh hoạt sử dụng cả hai ngôn ngữ trong cùng một đoạn văn hoặc cuộc trò chuyện. Xu hướng này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tiếng Anh trong giao tiếp trực tuyến, đặc biệt là trong các cộng đồng trẻ, nơi tiếng Anh không chỉ là ngôn ngữ quốc tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện phong cách sống và bản sắc văn hóa. Việc sử dụng tiếng Anh xen kẽ với tiếng Việt giúp tăng tính thời thượng và thể hiện sự am hiểu về xu hướng toàn cầu.

4.2. Mức độ nhận thức và thái độ của sinh viên đối với ngữ liệu mạng xã hội

a) Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát từ 300 phiếu khảo sát của sinh viên năm nhất tại các trường đại học ở Việt Nam (thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9/2024) cho thấy những nhận thức và thái độ tích cực cũng như lo ngại của sinh viên đối với ngữ liệu mạng xã hội trong giảng dạy ngôn ngữ.

Về nhận thức, 78% sinh viên cho rằng mạng xã hội có ảnh hưởng tích cực đến việc mở rộng vốn từ vựng và khả năng diễn đạt ngôn ngữ của họ. Họ nhận thấy việc tiếp cận với ngữ liệu từ các nền tảng trực tuyến giúp cải thiện khả năng sử dụng từ ngữ trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hơn nữa, 62% sinh viên tin rằng các từ ngữ sáng tạo, xu hướng ngôn ngữ và các hiện tượng ngữ nghĩa trên mạng xã hội giúp họ hiểu rõ hơn về ngữ cảnh văn hóa hiện đại. Điều này cho thấy mạng xã hội không chỉ là công cụ giao tiếp, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nhận thức ngôn ngữ và văn hóa đương đại.

Về thái độ, 70% sinh viên tỏ ra hào hứng khi ngữ liệu từ mạng xã hội được tích hợp vào bài học, vì họ cho rằng điều này giúp nội dung học tập trở nên gần gũi và thực tế hơn, phản ánh đúng xu hướng giao tiếp hiện đại mà họ đang tham gia hàng ngày. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận sinh viên (25%) bày tỏ lo ngại rằng việc sử dụng ngôn ngữ mạng xã hội có thể ảnh hưởng đến khả năng viết chính thức. Họ lo sợ rằng việc làm quen với cách sử dụng ngôn ngữ không chính thức và lỏng lẻo trên các nền tảng mạng xã hội sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến kỹ năng viết các văn bản học thuật và công việc yêu cầu sự trang trọng và chính xác.

b) Kết quả phỏng vấn

Kết quả phỏng vấn 20 sinh viên cho thấy, phần lớn sinh viên đánh giá cao sự linh hoạt và tính sáng tạo của ngôn ngữ mạng xã hội, đặc biệt là khả năng thể hiện cảm xúc, phản ứng nhanh chóng và giao tiếp hiệu quả trong môi trường không chính thức. Tuy nhiên, họ cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt rõ ràng giữa ngôn ngữ mạng xã hội và ngôn ngữ học thuật, đặc biệt trong bối cảnh học tập và giao tiếp chính thức. Sinh viên nhận thức rằng mặc dù ngôn ngữ mạng xã hội mang lại sự tự do và thoải mái trong giao tiếp, nhưng khi áp dụng vào các tình huống học thuật hoặc công việc yêu cầu sự trang trọng và chính xác, cần phải sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng và tránh những yếu tố mang tính phi chính thức như từ viết tắt, meme, hoặc các biểu tượng cảm xúc. Nhìn chung, họ cho rằng việc kết hợp ngôn ngữ mạng xã hội vào giảng dạy cần phải có sự cân nhắc và hướng dẫn cụ thể để đảm bảo không ảnh hưởng đến khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính thức và hiệu quả trong các môi trường học thuật.

4.3. Hiệu quả của việc tích hợp ngữ liệu mạng xã hội vào giảng dạy

4.3.1. Kết quả thực nghiệm giảng dạy

Thực nghiệm giảng dạy được tiến hành trên hai lớp học Dẫn luận ngôn ngữ tại một trường đại học ở Việt Nam, với sự tham gia của 50 sinh viên. Thời gian thực nghiệm kéo dài 8 tuần, trong đó các bài học được thiết kế để tích hợp ngữ liệu từ mạng xã hội vào quá trình giảng dạy. Kết quả kiểm tra trước và sau thực nghiệm cho thấy sự cải thiện rõ rệt trong các kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên. Cụ thể, điểm trung bình kỹ năng nhận diện các hiện tượng ngôn ngữ tăng từ 6.5/10 lên 8.0/10, cho thấy sinh viên đã nâng cao khả năng nhận diện và phân biệt các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng của mạng xã hội. Tương tự, điểm trung bình kỹ năng phân tích ngữ nghĩa cũng tăng từ 6.2/10 lên 7.8/10, chứng tỏ sinh viên đã cải thiện khả năng phân tích và hiểu sâu hơn các cấu trúc ngôn ngữ phức tạp trong ngữ liệu mạng xã hội.

Ngoài ra, phản hồi từ sinh viên cũng cho thấy sự hài lòng cao đối với phương pháp giảng dạy này. 84% sinh viên cho rằng các bài học sử dụng ngữ liệu mạng xã hội thú vị và dễ hiểu hơn so với cách dạy truyền thống, điều này cho thấy việc tích hợp ngữ liệu thực tế vào bài học có tác dụng làm tăng tính hấp dẫn và dễ tiếp cận của nội dung học. Bên cạnh đó, 72% sinh viên đánh giá rằng cách tiếp cận này giúp họ ghi nhớ lâu hơn các khái niệm ngôn ngữ học phức tạp, phản ánh hiệu quả trong việc ứng dụng ngữ liệu thực tế để nâng cao khả năng học tập và hiểu biết về ngôn ngữ học.

4.3.2. Phân tích dữ liệu bổ sung

Dữ liệu bổ sung từ các phản hồi của sinh viên được phân tích và mã hóa sử dụng phần mềm NVivo, với mục đích xác định các chủ đề chủ đạo trong đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy tích hợp ngữ liệu mạng xã hội. Kết quả phân tích cho thấy, phần lớn phản hồi đều mang tính tích cực. Cụ thể, 65% phản hồi cho rằng phương pháp giảng dạy này tạo ra sự sinh động, dễ hiểu và gần gũi với thực tế, giúp sinh viên tiếp cận ngôn ngữ học một cách thú vị và thực tế hơn. Nhóm sinh viên này cho biết việc áp dụng ngữ liệu mạng xã hội vào học tập khiến nội dung bài học trở nên hấp dẫn và dễ dàng liên kết với cuộc sống hàng ngày của họ.

Mặc dù có sự đồng thuận lớn về hiệu quả của phương pháp này, vẫn có một tỉ lệ nhỏ sinh viên (15%) bày tỏ lo ngại về khả năng áp dụng ngữ liệu mạng xã hội trong ngữ cảnh học thuật chính thức. Các sinh viên này lo sợ rằng phương pháp này có thể làm giảm tính nghiêm túc của các bài học và ảnh hưởng đến khả năng viết học thuật chính thức. Cuối cùng, 20% phản hồi thuộc nhóm trung lập, cho rằng phương pháp giảng dạy này không ảnh hưởng nhiều đến cách học truyền thống. Những sinh viên này không cảm thấy ngữ liệu mạng xã hội có thay đổi lớn trong phương pháp học tập của họ, và vẫn tiếp tục ưu tiên các phương pháp học tập truyền thống trong việc tiếp thu kiến thức.

4.4. Một số ứng dụng

4.4.1. Sự chuyển đổi của ngôn ngữ trên mạng xã hội: Các xu hướng chính

Dựa trên kết quả phân tích 500 mẫu ngữ liệu từ các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok và Twitter, nghiên cứu cho thấy sự phát triển ngôn ngữ trên mạng xã hội không chỉ phản ánh mà còn thúc đẩy các thay đổi trong giao tiếp đương đại. Đặc điểm nổi bật là sự kết hợp giữa các yếu tố sáng tạo ngôn ngữ và tính năng động, trong đó các viết tắt, biểu tượng cảm xúc (emoji), từ mới (neologisms), và việc vi phạm quy tắc ngữ pháp trở thành các xu hướng chủ đạo. Cụ thể:

Đặc điểm ngôn ngữ	Tần suất (%)	Ví dụ minh họa
Viết tắt	35%	"OMG," "LOL"
Sử dụng emoji	25%	😊, 🤔
Từ mới (neologisms)	20%	"bốc phốt," "trending"
Vi phạm quy tắc ngữ pháp	15%	"Tui hok bit," "đg lm j"
Biểu thức phi ngôn ngữ (meme)	5%	Meme "Chán như con gián"

Viết tắt chiếm tỉ lệ cao nhất (35%), với các ví dụ phổ biến như "LOL" (Laughing Out Loud) hay "OMG" (Oh My God). Emoji, chiếm 25%, đóng vai trò bổ sung sắc thái biểu cảm, hỗ trợ việc truyền đạt ý nghĩa phi ngôn từ một cách trực quan. Ngoài ra, việc sáng tạo từ vựng mới (20%) như "bốc phốt" hay "trending" thể hiện rõ nét sự phản ánh các hiện tượng xã hội trên không gian mạng. Đáng chú ý, 15% ngữ liệu phân tích cho thấy các dạng vi phạm quy tắc ngữ pháp, như việc sử dụng từ không chuẩn ("đg" thay cho "đang") hoặc cấu trúc không hoàn chỉnh ("tui hok bit"). Kết quả này cho thấy mạng xã hội không chỉ là nơi giao tiếp mà còn là không gian thử nghiệm và đổi mới ngôn ngữ. Tuy nhiên, sự phổ biến của các dạng ngôn ngữ "không chuẩn" đặt ra thách thức trong việc duy trì các quy tắc ngôn ngữ truyền thống, đặc biệt là trong bối cảnh giáo dục ngôn ngữ.

4.4.2. Hiệu quả của việc tích hợp ngữ liệu mạng xã hội vào giảng dạy ngôn ngữ học

Nghiên cứu thực nghiệm trên hai nhóm sinh viên cho thấy, việc sử dụng ngữ liệu mạng xã hội làm tài liệu giảng dạy đã tạo ra những tác động tích cực rõ rệt so với phương pháp truyền thống. Cụ thể:

Chỉ số đánh giá	Trung bình nhóm thực nghiệm	Trung bình nhóm đối chứng	Chênh lệch
Hứng thú với môn học	4.5/5	3.2/5	+1.3
Hiểu rõ khái niệm lí thuyết	4.3/5	3.5/5	+0.8
Khả năng liên kết thực tế	4.7/5	3.1/5	+1.6

Kết quả cho thấy, nhóm thực nghiệm đạt mức độ hứng thú cao hơn đáng kể (+1.3 điểm) nhờ sự gần gũi và thực tiễn của ngữ liệu mạng xã hội. Đặc biệt, khả năng liên kết kiến thức lí thuyết với các hiện tượng thực tiễn đạt chênh lệch cao nhất (+1.6 điểm), khẳng định rằng phương pháp này tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên hiểu sâu hơn các khái niệm học thuật trừu tượng. Bên cạnh chỉ số định lượng, các phản hồi định tính từ sinh viên cũng làm rõ thêm giá trị của ngữ liệu mạng xã hội. Khoảng 40% sinh viên cho rằng việc tích hợp ngữ liệu mạng xã hội giúp họ dễ dàng hình dung các ví dụ thực tiễn, trong khi 35% sinh viên cảm nhận rằng cách học này thú vị hơn so với phương pháp truyền thống.

4.4.3. Tác động của phương pháp giảng dạy đến kết quả học tập

Kết quả điểm số cuối kỳ tiếp tục khẳng định hiệu quả của phương pháp giảng dạy dựa trên ngữ liệu mạng xã hội. Cụ thể:

Nhóm thực nghiệm không chỉ đạt điểm trung bình cao hơn (8.5 so với 7.2) mà còn có tỉ lệ sinh viên đạt điểm trên 8/10 cao hơn đáng kể (75% so với 52%). Điều này cho thấy rằng ngữ liệu mạng xã hội không chỉ là công cụ giảng dạy hiệu quả mà còn hỗ trợ tốt cho việc nâng cao kết quả học tập.

Nhìn chung, nghiên cứu đã chứng minh rằng việc tích hợp ngữ liệu mạng xã hội vào giảng dạy ngôn ngữ học mang lại hiệu quả tích cực, từ việc cải thiện hứng thú học tập đến nâng cao khả năng hiểu bài và ứng dụng thực tiễn. Tuy nhiên, cần chú ý lựa chọn ngữ liệu phù hợp để đảm bảo tính chuẩn mực và tránh tác động tiêu cực. Kết quả này không chỉ đóng góp vào lí thuyết về ngôn ngữ học ứng dụng mà còn mở ra các hướng tiếp cận mới trong phương pháp giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh kĩ thuật số hiện đại.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã khai thác và phân tích sự biến đổi ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp mạng xã hội, đặc biệt tại Việt Nam, nơi mà các nền tảng mạng xã hội đang ngày càng trở nên phổ biến và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hình thức giao tiếp ngôn ngữ. Qua việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng kết hợp, bao gồm phân tích dữ liệu từ các nền tảng mạng xã hội và sử dụng các phần mềm thống kê như SPSS và NVivo, nghiên cứu đã chỉ ra rằng ngôn ngữ trên mạng xã hội không chỉ là một công cụ giao tiếp mà còn là nơi xuất hiện những hình thức ngôn ngữ sáng tạo, bao gồm viết tắt, emoji và meme, cũng như sự thay đổi ngữ nghĩa của các từ vựng hiện có.

Các kết quả phân tích cho thấy, ngoài việc cung cấp một cái nhìn sâu sắc về sự sáng tạo ngôn ngữ, nghiên cứu còn chỉ ra rằng những thay đổi này không chỉ giới hạn trong các nền tảng mạng xã hội phương Tây mà còn mang tính đặc thù đối với người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam. Những yếu tố văn hóa và sự ảnh hưởng của tiếng Anh cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành những biến thể ngôn ngữ mới. Các kết quả này đã đồng thuận với các nghiên cứu trước đây của Calude (2023) và Ekayati et al. (2024), nhưng đồng thời, nghiên cứu này mở rộng phạm vi bằng cách tập trung vào môi trường kĩ thuật số tại Việt Nam, một yếu tố còn thiếu trong các nghiên cứu quốc tế hiện có.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng có một số hạn chế, đặc biệt là về phạm vi dữ liệu thu thập trong thời gian ngắn và sự tập trung vào một nhóm đối tượng người dùng cụ thể. Việc mở rộng nghiên cứu trong thời gian dài hơn và bao gồm nhiều nhóm người dùng khác nhau có thể giúp tăng tính tổng quát và độ tin cậy của kết quả. Ngoài ra, việc kết hợp công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu ngôn ngữ có thể mang lại những kết quả chính xác hơn trong tương lai.

Cuối cùng, nghiên cứu này đóng góp vào việc hiểu rõ hơn về sự thay đổi ngôn ngữ trong kỷ nguyên số, đồng thời mở ra nhiều hướng nghiên cứu tiếp theo về sự giao thoa văn hóa và các tác động của mạng xã hội đến ngôn ngữ học. Những phát hiện từ nghiên cứu này có thể giúp xây dựng các chương trình giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả hơn, phản ánh chính xác các xu hướng ngôn ngữ mới, đồng thời cung cấp những kiến thức quan trọng về sự tương tác giữa ngôn ngữ và công nghệ trong thời đại số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Thị Thanh Lan, Nguyễn Thị Thu Hằng (2024), *Lợi ích của việc sử dụng mạng xã hội trong giảng dạy tiếng Anh và một số đề xuất ứng dụng*, Journal of educational equipment: Education management, Volume 1, Issue 310 (April 2024), tr 204-206.
2. Phạm Thị Diệu Linh (2023), *Sử dụng các học liệu nghe có nguồn từ internet để cải thiện kỹ năng nghe của sinh viên*, HNUE JOURNAL OF SCIENCE, Educational Sciences, 2023, Volume 68, Issue 2, pp. 73-83, DOI: 10.18173/2354-1075.2023-0040.
3. Đỗ Thanh Mai, Tô Hữu Nguyên (2023), “Một số giải pháp tích cực hóa hành vi sử dụng internet - mạng xã hội cho sinh viên Trường Ngoại ngữ Đại học Thái Nguyên”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Tân Trào, <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/965>.
1. Nguyễn Đình Như Hà, Trần Tuyền, Lê Thị Thùy Trang, Ngô Phan Lan Dung (2025), “Nhận thức của sinh viên không chuyên anh về việc sử dụng nền tảng xã hội để học tiếng Anh: trường hợp tại Trường Đại học Nông Lâm”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ TNU*, 230(03): 146 – 152, <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12254>.
2. Nguyễn Thị Hồng Minh, Nguyễn Thị Thu Hương, Ngô Thu Huyền (2019), “Nghiên cứu việc sử dụng tiếng Anh của sinh viên trong các diễn đàn xã hội trên Facebook của Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, 199(06): 37-43. <https://doi.org/10.34238/TNU-JST.2019.06.977>.
4. Đỗ Thị Thu Trang (2019), “Khai thác một số phương tiện truyền thông xã hội trong dạy và học tiếng Anh”, Tạp chí *Lý Luận chính trị và truyền thông*, Số 8, tr.61-64.

Tiếng Anh

5. Biber, D., Conrad, S., & Reppen, R. (1998), *Corpus linguistics: Investigating language structure and use*. Cambridge University Press.
3. Milica M. Marinković (2023), *Social networks as a language teaching tool*, *Filolog*, Vol. 14, no. 28. <http://dx.doi.org/10.21618/fil2328087m>.
6. Iryna M Zvarych, Natalia M Lavrychenko, N. Zaitseva, Olena Chaika, Oksana M. Skorobahata (2020), *Potential of the Use of Social Networks in Teaching a Foreign Language in Higher Educational Institutions*, *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, Vol 19 No 5, pp 1-11. <https://doi.org/10.26803/ijlter.19.5.16..>
7. A. Kovaleva, E. Dymova, Valentina Sergeevna Kochneva (2019), *Social networks as a means of english language teaching of students of radiotechnic educational programs*, *Pedagogic Education*, 6, 108-114. <https://doi.org/10.26170/po19-06-14>
8. Макухіна, Світлана (2023). *The use of social networks in foreign language learning*. <http://hdl.handle.net/123456789/8909>.

**Utilizing social media corpora in teaching the introduction to Linguistics course
for the first-years students at the school of foreign languages, Thai Nguyen university**

Abstract: This study investigates the use and analysis of linguistic variation in social media communication contexts from platforms such as Facebook, TikTok, and Twitter in teaching the Introduction to Linguistics course for university students. By employing a combination of qualitative and quantitative research methods, including data analysis from social media platforms and statistical tools such as SPSS and NVivo, the study reveals that language on social media is not merely a means of communication but also a space for linguistic creativity, encompassing abbreviations, emojis, and memes. Beyond offering insights into linguistic creativity, the research affirms the pedagogical feasibility and significance of integrating social media corpora into the reformation of linguistics teaching methods in the digital era.

Key words: Corpora; social media; language teaching; linguistic variation; communication tool.